

Bản án số: **16** /2017/HSPT
Ngày 24/5/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hà Văn Chương**

- *Các Thẩm phán:* Bà **Nguyễn Thanh Hương**

Ông **Nguyễn Minh Hùng**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Hồng Hà** - Cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà
Đỗ Thị Kim Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang,
xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 20/2017/HSPT ngày 19 tháng 4 năm
2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình
sự sơ thẩm số 06/2017/HSST ngày 02/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh
Tuyên Quang.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

NGUYỄN THỊ T, sinh năm 1960;

Nơi ĐKHKTT: Xóm H, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Tạm trú: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 4/10; Dân tộc: Kinh;

Con ông: Nguyễn Văn N (đã chết) và bà: Vũ Thị H (đã chết);

Chồng: Trương Văn C (đã chết); Con: có 04 con, con lớn nhất sinh năm
1979, con nhỏ nhất sinh năm 1984; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm
đi khỏi nơi cư trú số 45 ngày 16/11/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an
huyện C, hiện đang tại ngoại, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không
có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN THẤY

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang và bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 28/8/2016, Nguyễn Thị T, hộ khẩu thường trú: Xóm 13 Hồng Thái, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; tạm trú: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang đang ngủ thấy Quân Văn G sinh ngày 23/5/2001 (tính đến ngày 28/8/2016, G đủ 15 tuổi 3 tháng 05 ngày) trú tại thôn T, xã M, huyện C gọi. Thấy T mở cửa, G đi vào trong nhà, G nói “bà pha cho cháu bát mỳ, cháu cho bà ít tiền”, T hỏi “tiền ở đâu?” G nói “cháu vừa đi chế về” (ý nói là đi trộm cắp được), T hỏi tiếp “tiền đâu”, G nói “ở xô ngoài kia, bà cất cho cháu, cháu về mấy hôm nữa cháu lên, số tiền đó cháu cho bà một nửa”, nói xong G đi đến chiếc xô nhựa màu đỏ G vừa lấy trộm được của anh S để ở ngoài bên cạnh tường nhà bà T lấy 400.000 đồng cất giấu vào trong người và cầm 01 lọ nhựa bên trong có 4.500.000 đồng đem cất giấu vào bao rác bên cạnh rồi đi về. T đem chiếc xô nêu trên vào trong nhà thấy bên trong có 3.666.000 đồng; thẻ điện thoại Viettel các loại gồm: 20 thẻ mệnh giá 100.000 đồng; 21 thẻ mệnh giá 50.000 đồng, 44 thẻ mệnh giá 20.000 đồng; 140 thẻ mệnh giá 10.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105; 03 chiếc chìa khóa (đây là toàn bộ số tài sản G vừa đi trộm cắp được của anh Nguyễn Văn S trú tại thôn N, xã H, huyện C). T tắt nguồn, tháo pin chiếc điện thoại và đem toàn bộ số tiền, thẻ điện thoại nêu trên đem cất giấu vào khe đệm trên giường ngủ của mình, còn 03 chiếc chìa khóa T đem cất giấu vào túi đựng giày dép cũ ở phía sau bếp và ném chiếc xô nhựa ra ngoài vườn sau đó lên giường tiếp tục đi ngủ. Đến 06 giờ sáng cùng ngày, chị Lê Thị N (vợ anh S) trú tại thôn N, xã H, huyện C trong quá trình tìm kiếm xung quanh nhà T đã phát hiện số tiền 4.500.000 đồng ở trong bao rác mà G cất giấu, sau đó anh S đến Công an xã H trình báo sự việc.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu giữ tại nhà của Nguyễn Thị T 3.666.000 đồng; thẻ điện thoại Viettel các loại mệnh giá có tổng giá trị 5.330.000 đồng gồm 20 thẻ mệnh giá 100.000 đồng, 21 thẻ mệnh giá 50.000 đồng, 44 thẻ mệnh giá 20.000 đồng, 140 thẻ mệnh giá 10.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105; 03 chiếc chìa khóa; 01 chiếc xô nhựa màu đỏ. Toàn bộ số tài sản này quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho anh Nguyễn Văn S.

Tại Kết luận định giá tài sản số 66/KL-TĐG ngày 29/9/2016 và kết luận định giá tài sản 79/KL-TĐG ngày 08/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 cũ đã qua sử dụng có giá trị 200.000 đồng; 20 thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 100.000 đồng = 2.000.000 đồng, 21 thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 50.000 đồng =

1.050.000 đồng, 44 thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 20.000 đồng = 880.000 đồng, 140 thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 10.000 đồng = 1.400.000 đồng; 03 chiếc chìa khóa có giá trị 90.000 đồng; 01 chiếc xô nhựa màu đỏ cũ đã qua sử dụng, kích thước cao 25cm, đường kính miệng xô 28cm, đường kính đáy xô 23cm có giá trị 20.000 đồng. Tổng giá trị các loại tài sản nêu trên: 5.640.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2017/HSST ngày 02/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 250; điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 10 (mười) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/3/2016, bị cáo Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hưởng án treo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục kháng cáo của bị cáo là đúng pháp luật, trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng tổ tụng. Cấp sơ thẩm xử bị cáo Nguyễn Thị T 10 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng người, đúng tội có căn cứ, mức án đã tuyên tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình các tình tiết mới như có đơn xin hưởng án treo có xác nhận của địa phương, có xác nhận của Công an xã Hà Lang bị cáo đã tố cáo Ma Đình L về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và phát sinh tình tiết mới, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T; sửa bản án sơ thẩm về hình phạt như sau:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 250; điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

XÉT THẤY

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo, bị cáo xin được hưởng án treo với lý do bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã thành khẩn khai báo.

Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Khoảng 03 giờ ngày 28/8/2016, tại nhà ở của mình tạm trú tại thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Thị T đã có hành vi tiêu thụ tiền và tài sản khác với tổng giá trị 9.306.000 đồng (*Chín triệu ba trăm linh sáu nghìn đồng*) do Quân Văn G trú tại thôn T, xã M, huyện C trộm cắp mà có.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, mức án đã tuyên tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình các tình tiết mới như có đơn xin hưởng án treo có xác nhận của địa phương, có xác nhận của Công an xã H bị cáo đã tố cáo Ma Đình L về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T, sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T; sửa bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt như sau:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 250; điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 24/5/2017).

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. (Trường hợp người được

hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự).

Bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Văn Chương